|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH NINH BÌNH**  **ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 2** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**  **Năm học 2024-2025**  **Môn: Địa lí**  *Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |
| *(Đề thi gồm 28 câu, trong 04 trang)* |  |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**Câu 1.** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

**A.** khai thác các thế mạnh, tăng trưởng kinh tế. **B.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, thu hút đầu tư.

**C.** tăng cường hiện đại hóa, mở rộng dịch vụ. **D.** phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa.

**Câu 2.** Đặc điểm lũ của các hệ thống sông ở nước ta có sự khác biệt chủ yếu do tác động của

**A.** diện tích lưu vực, nguồn cấp nước, độ che phủ, độ sâu của sông.

**B.** trắc diện sông ngòi, địa hình, chế độ mưa, thực vật, hồ đầm.

**C.** chiều dài sông ngòi, nước ngầm, lớp phủ thực vật, lượng mưa.

**D.** độ dốc lòng sông, tốc độ dòng chảy, thảm thực vật, mùa mưa.

**Câu 3.** Tác động chủ yếu của gió Đông bắc đến khí hậu nước ta là

**A.** tạo nên sự đa dạng về thời tiết và khí hậu, gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan.

**B.** làm tính nhịp điệu mùa của khí hậu rõ nét hơn, có một mùa đông lạnh, khô và ít mưa.

**C.** tạo nên sự phân hóa về lượng mưa, chế độ nhiệt, ẩm và tính thất thường của khí hậu.

**D.** có sự khác biệt về lượng mưa, độ ẩm, nhiệt độ theo Bắc - Nam và tăng tính bất thường.

**Câu 4.** Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có nền nhiệt ẩm cao chủ yếu do tác động của các nhân tố nào sau đây?

**A.** Thời gian chiếu sáng dài, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương thổi đến và bão.

**B.** Vị trí nằm gần xích đạo, lượng bức xạ lớn, gió hướng tây nam, dải hội tụ nhiệt đới.

**C.** Gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, thời gian Mặt Trời qua thiên đỉnh, frông.

**D.** Nằm trong vùng nội chí tuyến, Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây nam và bão.

**Câu 5.** Đặc điểm nổi bật về cơ cấu xã hội của dân số nước ta hiện nay là

**A.** trình độ dân trí tăng, tỉ lệ lao động công nghiệp tăng, tỉ lệ lao động nông nghiệp giảm.

**B.** tỉ lệ dân số biết chữ tăng, có tỉ lệ lao động công nghiệp tăng; có dân số đang già hoá.

**C.** tỉ lệ nam nhiều hơn nữ, có tỉ lệ nhóm tuổi 0-14 tuổi giảm, tỉ lệ lao động dịch vụ tăng.

**D.** tỉ lệ lao động nông nghiệp tăng, tỉ lệ người trên 60 tuổi tăng, tỉ lệ nữ nhiều hơn nam.

**Câu 6.** Mục đích chủ yếu của hình thức sản xuất vùng nông nghiệp là

**A.** sản xuất hàng hóa, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ môi trường sinh thái.

**B.** phân bố nông nghiệp hợp lí, chuyên môn hóa, sử dụng tốt các điều kiện sản xuất.

**C.** phát triển nông nghiệp thâm canh, cải tạo môi trường sinh thái, tạo thêm việc làm.

**D.** tập trung hàng hóa, tạo ra nông sản giá trị cao, tăng thu nhập cho người lao động.

**Câu 7.** Nhân tố hình thành các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam là

**A.** vị trí địa lí, các dãy núi cao đồ sộ, các hoạt động kiến tạo.

**B.** vị trí địa lí, hoạt động địa chất kiến tạo, độ cao địa hình.

**C.** hình dáng lãnh thổ, hoàn lưu gió mùa, hoạt động kiến tạo.

**D.** vị trí nội chí tuyến, hoàn lưu gió mùa, hoạt động kiến tạo.

**Câu 8.** Ảnh hưởng chủ yếu của dịch vụ đối với các ngành sản xuất vật chất là

**A.** tăng năng suất lao động, tiêu thụ sản phẩm, giải phóng sức lao động.

**B.** tạo nguồn lực phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, phân phối sản phẩm.

**C.** trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường, tăng vốn đầu tư.

**D.** cung ứng nguyên vật liệu, bán thành phẩm, cung cấp nguồn lao động.

**Câu 9.** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng đến cơ cấu ngành công nghiệp?

**A.** Vị trí địa lí và nguồn vốn đầu tư. **B.** Quy mô dân số và nhu cầu tiêu dùng.

**C.** Khoa học - công nghệ và lao động. **D.** Thị trường và nguồn nguyên liệu.

**Câu 10:** Du lịch biển nước ta hiện nay

**A.** chỉ đầu tư loại hình thể thao dưới nước. **B.** chỉ tổ chức hoạt động ở các đảo ven bờ.

**C.** hoạt động liên tục suốt năm ở phía Bắc. **D.** có nhiều điểm và trung tâm hoạt động.

**Câu 11:** Hướng chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

**A**. thúc đẩy công nghiệp hóa, sử dụng công nghệ tiên tiến.

**B**. hiện đại hóa công nghiệp chế biến, nâng cấp cơ sở hạ tầng.

**C**. khai thác tốt các thế mạnh tự nhiên, mở rộng thị trường.

**D**. hiện đại hóa công nghiệp, sử dụng hiệu quả các thế mạnh.

**Câu 12:** Giải pháp chủ yếu trong ngành trồng trọt để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A**. đẩy mạnh thâm canh, áp dụng công nghệ trồng mới, trồng rừng ngăn mặn.

**B.** xây dựng công trình thủy lợi, chủ trọng cải tạo đất, tăng cường thâm canh.

**C.** chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lí, đa dạng hóa cây trồng.

**D.** phát triển Trung trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, tập trung sản xuất lúa.

**Câu 13:** Giải pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

**A.** lập các trang trại, mở rộng liên kết sản xuất, sử dụng các kĩ thuật tiên tiến.

**B.** gắn với chế biến và dịch vụ, sản xuất chuyên canh, sử dụng kĩ thuật mới.

**C.** tăng diện tích đất, phát triển thị trường, đa dạng hóa cây trồng và vật nuôi.

**D.** quan tâm sản xuất theo nông hộ, sản xuất thâm canh, nâng cao sản lượng.

**Câu 14.** Ý nghĩa chủ yếu của phát triển du lịch cộng đồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** khai thác tài nguyên du lịch, hoàn thiện nhân lực và hạ tầng.

**B.** phát triển kinh tế, phát huy truyền thống, tạo lợi thế so sánh.

**C.** tạo việc làm, nâng cao mức sống, phát huy bản sắc văn hóa.

**D.** xóa đói giảm nghèo, mở rộng liên kết vùng, tăng đô thị hóa.

**Câu 15:** Vùng khí hậu Nam Trung Bộ và vùng khí hậu Tây Nguyên có biên độ nhiệt năm nhỏ chủ yếu do tác động của

**A.** các gió mùa hạ, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió mùa Đông Bắc.

**B.** vùng biển rộng, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, vị trí ở xa chí tuyến.

**C.** địa hình cao nguyên, gió mùa đông, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

**D.** thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí nằm ở gần vùng xích đạo.

**Câu 16:** Sự phân hóa lượng bốc hơi ở nước ta chủ yếu do tác động của

**A.** nhiệt độ, lượng mưa, hướng các dãy núi, bề mặt đệm.

**B.** chế độ nhiệt, địa hình, gió đông bắc, thảm thực vật.

**C.** số giờ nắng, hướng sườn, cấu tạo đá, hoàn lưu gió.

**D.** bức xạ Mặt trời, địa hình núi, gió tây nam, hệ sinh thái.

**Câu 17:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển năng lượng tái tạo ở Tây Nguyên là

**A.** phục vụ cho kinh tế và đời sống, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**B.** tăng trưởng sản xuất, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ rừng.

**C.** đáp ứng nhu cầu, giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

**D.** đảm bảo điện năng, ngăn chặn biến đổi khí hậu, bảo vệ tự nhiên.

**Câu 18** Thế mạnh nào sau đây đã thúc đẩy ngành dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây?

**A.** Nền kinh tế phát triển mạnh, chất lượng đời sống tăng.

**B.** Ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển hàng đầu cả nước.

**C.** Dân số đông, chất lượng đời sống cao và tăng nhanh.

**D.** Chất lượng đời sống cao, nền kinh tế phát triển mạnh.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** *Đọc đoạn thông tin, chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a), b), c), d) sau đây:*

*“Vùng Đông Nam Bộ có nhiều thuận lợi về tự nhiên trong phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả. Địa hình tương đối bằng phẳng với đất đỏ ba-dan, đất xám phù sa cổ phân bố trên những diện tích lớn; khi cận cận xích đạo với nền nhiệt độ cao, lượng mưa lớn; nguồn nước tưới dồi dào từ hệ thống các sông và hồ chứa... Nhờ đó, hoạt động sản xuất diễn ra quanh năm và phát triển được nền nông nghiệp nhiệt đới cho năng suất cao.*

**a)**Về tự nhiên, vùng Đông Nam Bộ không gặp khó khăn trong phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả.

b) Hiện nay, vùng Đông Nam Bộ có diện tích trồng cây công nghiệp lâu lăm lớn nhất cả nước.

c) Hồ Dầu Tiếng và hồ Trị An là hai hồ thuỷ lợi và thuỷ điện có vai trò rất quan trọng ở vùng Đông Nam Bộ.

d) Đông Nam Bộ có nền nông nghiệp nhiệt đới cho năng suất cao là nhờ chủ yếu vào điều kiện tự nhiên.

**Câu 2.** Dựa vào bảng số liệu, chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a), b), c), d) sau đây:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 – 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm  Tiêu chí | 1990 | 2000 | 2010 | 2021 |
| Số dân thành thị (triệu người) | 12,9 | 18,7 | 26,5 | 36,6 |
| Tỉ lệ dân thành thị (%) | 19,5 | 24,1 | 30,4 | 37,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2010, 2022)*

a) Đô thị hoá đang diễn ra khắp cả nước, không gian đô thị được mở rộng.

b) Tốc độ tăng dân số thành thị chậm hơn tốc độ tăng dân số chung.

c) Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị tăng liên tục.

d) Biểu đồ cột là thích hợp nhất để thể hiện quy mô số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 1990 – 2021.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

“ Cùng với gió mùa Đông Bắc, trong mùa đông ở nước ta còn có sự hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc. Ở miền Bắc, Tín phong hoạt động đan xen giữa các đợt gió mùa Đông Bắc. Ở miền Nam Tín phong thổi theo hướng đông bắc chiếm ưu thế, đây là nguyên nhân chính làm cho Tây Nguyên và Nam Bộ có mùa khô kéo dài”.  
A. Hoạt động của gió mùa Đông Bắc và Tín phong là nguyên nhân chính tạo nên sự khác biệt về thời tiết giữa 2 miền Bắc Nam.   
B. Từ tháng XI đến tháng IV năm sau, thời tiết ở miền Bắc nước ta lạnh, ít mưa là do sự hoạt động đồng thời  
của cả gió mùa Đông Bắc và Tín phong bán cầu Bắc.

C. Miền Nam nước ta không có mùa Đông là do Tín phong bán cầu Bắc hoạt động mạnh, lấn át gió mùa Đông Bắc.   
D. Sự thay đổi nhiệt độ theo chiều Bắc - Nam và sự tồn tại của Tín phong bán cầu Bắc ở nước ta là biểu hiện của quy luật địa đới.

**Câu 4:** Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

“ Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện nền kinh tế từ đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ VI, năm 1986 đến nay. Nền kinh tế nước ta đã có sự chuyển biến tích cực trên nhiều khía cạnh: từ tốc độ tăng trưởng, về quy mô nền kinh tế, khả năng cạnh tranh, đặc biệt cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa…”

**A.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ là sự thay đổi cơ cấu kinh tế giữa các nhóm ngành, giữa các thành phần kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**B.** Cơ cấu theo thành phần kinh tế đang chuyển dịch phù hợp với nền kinh tế thị trường, trong đó kinh tế nhà nước là giữ vai trò điều tiết, kinh tế tư nhân là động lực.

**C.** Sự xuất hiện vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, các vùng chuyên canh, các khu chế xuất là biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

**D.** Kiên định mục tiêu phát triển nền kinh tế hàng hóa định hướng XHCN, triển nền kinh tế theo hướng bền vững là mục tiêu quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA CỦA ĐƯỜNG BỘ VÀ**

**ĐƯỜNG SÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN NĂM 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại hình vận tải** | **Đường bộ** | **Đường sông** |
| **Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)** | 1 303,3 | 242,4 |
| **Khối lượng luân chuyển (tỉ tấn.km)** | 75,3 | 24,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Thống kê 2022)* Theo bảng số liệu, tính chênh lệch cự li vận chuyển trung bình giữa đường sông và đường bộ *(Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của km)*

**Câu 2:** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Việt Nam** | **Thái Lan** | **Ma-lai-xi-a** | **Mi-an-ma** |
| Số dân thành thị *(triệu người)* | 34,2 | 33,7 | 25,1 | 16,9 |
| Tỉ lệ dân thành thị *(%)* | 35,0 | 50,7 | 76,6 | 30,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Căn cứ bảng số liệu, tính tổng số dân của Việt Nam? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người)

**Câu 3:** Cho tổng diện tích rừng nước ta năm 2021 là 14,7 triệu ha, chênh lệch giữa rừng tự nhiên và rừng trồng là 5,7 triệu ha. Tính diện tích rừng trồng nước ta năm 2021 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân của triệu ha)

**Câu 4:** Cho bảng số liệu: **Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2021** *(Đơn vị: mm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa | 190,3 | 61,1 | 112,4 | 68,6 | 1,7 | 32,0 | 27,0 | 52,6 | 535,6 | 1438,3 | 825,9 | 490,5 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)*Tính tỉ lệ lượng mưa của các tháng mưa nhiều so với tổng lượng mưa cả năm tại Huế năm 2021(làm tròn kết quả đến hàng thập phân thứ nhất của %

**Câu 5:** Khi ở chân sườn đón gió có nhiệt độ là 31,80C và chân sườn khuất gió là 42,80C. tính nhiệt độ ở đỉnh núi biết rằng độ cao ở chân 2 sườn núi bằng nhau. *(Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của 0C)*

**Câu 6:** Quy mô dân số nước ta năm 2020 là 97 582,7 nghìn người, tốc độ tăng dân số của năm 2021 là 0,94%. Vậy dân số năm 2021 của nước ta là bao nhiêu người? *(Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của triệu người)*

**…………………HẾT……………….**